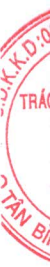


CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

	<i>TRANG</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Xuân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên, Giám đốc
Ông Phan Minh Hoàng	Thành viên, Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Út	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Ông Phạm Xuân Nghiêm	Thành viên

2. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2012

Số: 062/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 17 kèm theo, được lập ngày 19/01/2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2012



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. Tài sản ngắn hạn	100		99.037.367.417	87.098.516.967
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	IV.01	11.951.674.474	6.403.702.923
1. Tiền	111		11.951.674.474	6.403.702.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	IV.02	39.633.128.928	52.802.226.120
1. Phải thu khách hàng	131		38.912.569.192	49.331.579.167
2. Trả trước cho người bán	132		502.745.086	3.334.588.992
3. Các khoản phải thu khác	135		389.702.502	196.291.232
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(171.887.852)	(60.233.271)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	IV.03	46.223.276.740	25.750.728.053
1. Hàng tồn kho	141		47.104.784.552	25.750.728.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(881.507.812)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.229.287.275	2.141.859.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		621.529.387	1.801.339.195
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV.04	351.373.506	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV.05	256.384.382	340.520.676
B. Tài sản dài hạn	200		33.957.942.712	31.779.690.098
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		30.352.742.712	28.174.490.098
1. TSCĐ hữu hình	221	IV.06	26.095.415.877	27.828.749.196
- Nguyên giá	222		104.589.344.573	99.614.516.173
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.493.928.696)	(71.785.766.977)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV.07	4.257.326.835	345.740.902
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		3.605.200.000	3.605.200.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	IV.08	3.605.200.000	3.605.200.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.995.310.129	118.878.207.065

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. Nợ phải trả	300		76.973.117.459	66.347.307.567
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		74.376.539.877	64.182.312.437
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.09	58.036.062.003	43.765.630.597
2. Phải trả cho người bán	312		6.483.370.248	7.811.580.969
3. Người mua trả tiền trước	313		-	82.451.520
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	IV.10	88.263.494	1.013.712.378
5. Phải trả công nhân viên	315		6.175.847.566	7.737.743.417
6. Chi phí phải trả	316	IV.11	783.695.813	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	IV.12	2.683.413.948	2.257.983.723
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		125.886.805	1.513.209.833
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		2.596.577.582	2.164.995.130
1. Vay và nợ dài hạn	334	IV.13	2.393.619.302	1.920.066.250
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		202.958.280	244.928.880
B. Vốn chủ sở hữu	400		56.022.192.670	52.530.899.498
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.14	56.022.192.670	52.530.899.498
1. Vốn điều lệ	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		510.434.895	339.912.959
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.984.867.288	1.404.149.509
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.385.582.809	826.663.856
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.137.308.975	9.956.174.471
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.995.310.129	118.878.207.065

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	180.520.491	180.520.491
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại		
- USD	87.361,18	58.607,54
- EUR	612,89	34.759,60
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

VĂN NGỌC LƯU

Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 01 năm 2012



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		199.806.277.397	170.730.590.693
2. Các khoản giảm trừ	02		142.925.146	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.01	199.663.352.251	170.730.590.693
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	168.410.288.863	141.280.242.860
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.253.063.388	29.450.347.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	3.993.423.595	3.390.531.263
7. Chi phí tài chính	22	V.04	10.357.901.861	9.064.879.672
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.126.470.624	3.481.053.968
8. Chi phí bán hàng	24	V.05	5.509.345.724	5.382.085.828
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.06	6.160.501.339	5.802.157.899
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.218.738.059	12.591.755.697
11. Thu nhập khác	31	V.07	958.347.531	207.642.861
12. Chi phí khác	32	V.08	1.149.598.517	928.887.379
13. Lợi nhuận khác	40		(191.250.986)	(721.244.518)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.027.487.073	11.870.511.179
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		890.178.098	692.132.123
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.137.308.975	11.178.379.056
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		3.034	2.795



VĂN NGỌC LƯU
 Kế toán trưởng
 Ngày 19 tháng 01 năm 2012



NGUYỄN HỮU ĐỨC
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	13.027.487.073	11.870.511.179
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.210.632.877	7.007.538.766
Các khoản dự phòng	03	993.162.393	60.233.271
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	9.602.200	53.171.787
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(930.740.425)	(1.019.571.024)
Chi phí lãi vay	06	6.126.470.624	3.481.053.968
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	26.436.614.742	21.452.937.947
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	14.014.911.963	(20.791.437.739)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(21.354.056.499)	(1.731.207.044)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1.953.427.619)	8.952.001.515
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	-	980.902.778
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.126.470.624)	(3.481.053.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.465.170.402)	(1.618.165.784)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.200.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.200.636.727)	(2.881.560.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.351.764.834	884.617.705
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(9.388.885.491)	(7.271.985.483)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	86.957.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	930.740.425	1.019.571.024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.458.145.066)	(2.165.457.186)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	132.801.172.754	83.147.937.183
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(118.019.115.193)	(79.398.499.525)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(8.200.000.000)	(7.680.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.582.057.561	(3.930.562.342)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.403.702.923	11.227.123.479
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	72.294.222	387.981.267
Tiền tồn cuối kỳ	70	11.951.674.474	6.403.702.923



VĂN NGỌC LƯU
 Kế toán trưởng
 Ngày 19 tháng 01 năm 2012




NGUYỄN HỮU ĐỨC
 Giám đốc

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty Liên doanh Bao Bì Hà Tiên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần Số 56-03-000144 ngày 30/5/2008 và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 17/11/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Văn phòng chính đặt tại ấp Kinh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; đại lý, môi giới; bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn chuyên doanh khác còn lại.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hồi đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
Thiết bị quản lý	3 – 06 năm
Phương tiện vận chuyển	06 năm

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của những tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng của chúng nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán này.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và chưa thể xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán này.

9. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

10. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

11. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo đơn giá sản phẩm. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 22% và 4,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 19% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ và 7,5% sẽ được trích từ lương của người lao động và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

13. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm (từ năm 1998 đến năm 2001) và được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% trong 09 năm (từ năm 2002 đến năm 2010).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
Tiền mặt	83.595.075	64.930.925
Tiền gửi ngân hàng	11.868.079.399	6.338.771.998
Cộng	11.951.674.474	6.403.702.923
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
Phải thu khách hàng	38.912.569.192	49.331.579.167
Trả trước cho người bán	502.745.086	3.334.588.992
Phải thu khác	389.702.502	196.291.232
Cộng	39.805.016.780	52.862.459.391
Dự phòng phải thu khó đòi	(171.887.852)	(60.233.271)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	39.633.128.928	52.802.226.120
3. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
Hàng mua đang đi đường	4.282.073.625	1.121.546.450
Nguyên vật liệu	21.693.482.570	15.468.023.431
Công cụ, dụng cụ trong kho	447.539.173	402.024.199
Chi phí sản xuất dở dang	18.382.526.823	8.095.836.183
Thành phẩm tồn kho	2.299.162.361	663.297.790
Cộng	47.104.784.552	25.750.728.053
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(881.507.812)	-
Giá trị thuần hàng có thể thực hiện được của tồn kho	46.223.276.740	25.750.728.053
Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2010/NHNT-BBHT ngày 15/7/2010, toàn bộ hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay được thuyết minh tại IV.08 và IV.11.		
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp dư	351.373.506	-
Cộng	351.373.506	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
Tạm ứng nhân viên	207.632.130	291.768.424
Tài sản thiếu chờ xử lý	48.752.252	48.752.252
Cộng	256.384.382	340.520.676

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2011	15.733.044.595	81.537.910.236	1.445.537.920	898.023.422	99.614.516.173
Tăng	64.090.909	3.546.419.718	1.688.733.477	178.055.454	5.477.299.558
Giảm	-	(357.427.544)	-	(145.043.614)	(502.471.158)
Tại ngày 31/12/2011	15.797.135.504	84.726.902.410	3.134.271.397	931.035.262	104.589.344.573
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01/01/2011	8.947.273.166	61.108.014.962	874.523.260	855.955.589	71.785.766.977
Tăng	1.681.807.485	5.208.215.126	257.361.178	63.249.088	7.210.632.877
Giảm	-	(357.427.544)	-	(145.043.614)	(502.471.158)
Tại ngày 31/12/2011	10.629.080.651	65.958.802.544	1.131.884.438	774.161.063	78.493.928.696
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	6.785.771.429	20.429.895.274	571.014.660	42.067.833	27.828.749.196
Tại ngày 31/12/2011	5.168.054.853	18.768.099.866	2.002.386.959	156.874.199	26.095.415.877

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 7.789.148.872 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết chờ thanh lý là 1.130.597.850 đồng.

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2010/NHNT-BBHT ngày 15/7/2010, toàn bộ tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay được thuyết minh tại IV.09 và IV.13.

7. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí xây dựng nhà xưởng	4.257.326.835	345.740.902
Cộng	4.257.326.835	345.740.902

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (*)	3.605.200.000	3.605.200.000
Cộng	3.605.200.000	3.605.200.000

(*) Bao gồm các khoản đầu tư vào các Công ty:

	Tỷ lệ	Số lượng CP	Mệnh giá/CP	Giá trị đầu tư
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên	2,95%	100.520	10.000	1.005.200.000
Công ty CP Xi Măng Kiên Giang	5,38%	12.000	100.000	1.200.000.000
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang	3,05%	14.000	100.000	1.400.000.000
Cộng				3.605.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	31/12/2011	01/01/2011
9. Vay và nợ ngắn hạn		
Vietcombank - Chi nhánh Kiên Giang (*)	55.940.698.395	43.258.518.045
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.095.363.608	507.112.552
Cộng	58.036.062.003	43.765.630.597
<p>(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương - chi nhánh Kiên Giang bao gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 04/2010/VCB-BBHT ngày 02/8/2010, hạn mức tín dụng là 3.000.000,00 USD, lãi suất dao động từ 7,00% đến 7,50%/năm, hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2011/VCB-BBHT ngày 18/01/2011, với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 17% đến 18%/năm và hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 03/2011/VCB-BBHT ngày 09/08/2011, với hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, lãi suất dao động từ 7,00% đến 7,50%/năm. Số dư nợ tại ngày 31/12/2011 lần lượt là 2.434.871,25 USD tương đương 50.550.823.020 đồng và 5.227.200.000 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và tài sản của Công ty được thuyết minh tại IV.03 và IV.06.</p>		
9. Phải trả người bán và người mua trả trước		
Phải trả người bán	6.483.370.248	74.430.962.722
Người mua trả trước	-	299.110.853
Cộng	6.483.370.248	74.730.073.575
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế GTGT	64.832.184	500.797.407
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	11.650.612	224.041.397
Thuế nhập khẩu	11.780.698	65.254.776
Thuế TNDN phải nộp	-	223.618.798
Cộng	88.263.494	1.013.712.378
11. Chi phí phải trả		
Các khoản chi phí phải trả khác	783.695.813	-
Cộng	783.695.813	-
12. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp	48.917.353	49.985.813
Kinh phí công đoàn	659.388.020	529.526.200
Phải trả cổ tức cho cổ đông	938.179.113	1.134.955.073
Phải trả nguyên liệu cho bên gia công	183.861.004	-
Các khoản phải trả khác	853.068.458	543.516.637
Cộng	2.683.413.948	2.257.983.723

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
Vietcombank - Chi nhánh Kiên Giang	4.488.982.910	2.427.178.802
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.095.363.608)	(507.112.552)
Cộng	2.393.619.302	1.920.066.250

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang theo các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng vay số 01/2010/VCB-BBHT.DA ngày 22/01/2010 với tổng số tiền vay là 89.625,00 USD, thời hạn vay là 3 năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2011 là 29.625 USD tương đương 617.029.500 đồng, lãi suất vay 7,50%/năm. Khoản vay này nhằm mục đích đầu tư máy dệt và được thế chấp bởi tài sản là máy dệt và đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại mục IV.06.

Hợp đồng vay số 03/2010/VCB-BBHT.DA ngày 14/7/2010 với tổng số tiền vay là 83.545,00 USD, thời hạn vay là 20 tháng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2011 là 44.386 USD tương đương 382.943.608 đồng, lãi suất vay 7,50%/năm. Khoản vay này nhằm mục đích đầu tư dây chuyền máy tái sinh hạt nhựa PP và được thế chấp bởi tài sản là dây chuyền máy in lồng ống và đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại mục IV.06.

Hợp đồng vay số 02/11/BD01/KL ngày 03/6/2011 với hạn mức vay là 4.923.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2011 là 3.489.009.802 đồng, lãi suất vay từ 19,50% đến 20%/năm. Khoản vay này nhằm mục đích đầu tư xây mới nhà xưởng số 3 và được thế chấp bởi tài sản là hình thành từ vốn vay là nhà xưởng khung thép và đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại mục IV.06.

14. Vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2011
Vốn điều lệ	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.998.703	-	-	3.998.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	339.912.959	510.434.895	(339.912.959)	510.434.895
Quỹ đầu tư phát triển	1.404.149.509	580.717.779	-	1.984.867.288
Quỹ dự phòng tài chính	826.663.856	558.918.953	-	1.385.582.809
Lợi nhuận chưa phân phối	9.956.174.471	12.137.308.975	(9.956.174.471)	12.137.308.975
Cộng	52.530.899.498	13.787.380.602	(10.296.087.430)	56.022.192.670

Chi tiết vốn điều lệ

	Tại ngày 31/12/2011			Tại ngày 01/01/2011	
	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)	Giá trị vốn góp
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	38%	1.538.050	15.380.500.000	38%	15.380.500.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nhà Kiên Giang	38%	1.538.050	15.380.500.000	38%	15.380.500.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Phương Nam	10%	400.000	4.000.000.000	10%	4.000.000.000
Các cổ đông khác	13%	523.900	5.239.000.000	13%	5.239.000.000
Cộng	100%	4.000.000	40.000.000.000	100%	40.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2011	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận	Năm 2011	Năm 2010
Trích quỹ đầu tư phát triển	580.717.779	400.829.304
Trích quỹ dự phòng tài chính	558.918.953	777.595.829
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	454.552.273	3.450.637.046
Chia lợi nhuận cho các chủ sở hữu	8.003.224.040	8.745.906.052
Trích thưởng cho Ban điều hành	358.761.426	440.956.455
Cộng	9.956.174.471	13.815.924.686

V. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán thành phẩm	193.123.595.172	165.953.181.651
Doanh thu bán nguyên vật liệu	6.670.561.389	4.755.818.134
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.120.836	21.590.908
Cộng	199.806.277.397	170.730.590.693
Hàng bán bị trả lại	(142.925.146)	-
Doanh thu thuần	199.663.352.251	170.730.590.693
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2011	Năm 2010
Giá vốn thành phẩm	161.864.057.745	136.723.243.416
Giá vốn nguyên vật liệu	5.664.723.306	4.556.999.444
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	881.507.812	-
Cộng	168.410.288.863	141.280.242.860
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền gửi ngân hàng	124.256.425	322.105.424
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.055.202.235	2.370.960.239
Cổ tức được chia	806.484.000	697.465.600
Cộng	3.993.423.595	3.390.531.263

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	Năm 2011	Năm 2010
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	6.126.470.624	3.481.053.968
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.221.829.037	5.530.653.917
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản vay dài hạn	9.602.200	53.171.787
Cộng	10.357.901.861	9.064.879.672
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	1.060.146.098	860.689.351
Chi phí vật liệu, bao bì	1.581.861.675	1.233.966.534
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	-	980.902.778
Chi phí vận chuyển, bốc xếp trong nước	797.076.293	542.400.423
Hoa hồng bán hàng	387.595.675	275.013.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.305.002.343	1.057.651.438
Chi phí bằng tiền khác	377.663.640	431.461.313
Cộng	5.509.345.724	5.382.085.828
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	2.517.919.897	2.594.040.843
Phí ngân hàng	514.143.310	348.702.205
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	83.180.675	165.334.745
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	271.590.536	293.521.944
Khấu hao tài sản cố định	427.312.370	391.573.592
Chi phí lập dự phòng phải thu khó đòi	194.891.429	60.233.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.124.361.089	1.069.040.709
Chi phí bằng tiền khác	1.027.102.033	879.710.590
Cộng	6.160.501.339	5.802.157.899
7. Thu nhập khác		
Xử lý nguyên vật liệu thừa	856.512.611	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	90.000.000
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác	101.834.920	117.642.861
Cộng	958.347.531	207.642.861
8. Chi phí khác		
Xử lý nguyên vật liệu thiếu	471.501.389	-
Chi phí thanh lý tài sản	-	3.042.727
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	86.957.273
Chi phí khấu hao tài sản chờ thanh lý	-	40.614.171
Thuế bị truy thu	1.370.468	467.720.316
Các khoản chi phí khác	676.726.660	330.552.892
Cộng	1.149.598.517	928.887.379

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nguyên vật liệu	148.467.867.205	111.600.411.772
Chi phí nhân viên	22.834.816.554	19.428.714.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.210.632.877	7.007.538.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.563.329.446	9.568.733.868
Các khoản chi phí khác	1.599.657.102	1.371.405.174
Cộng	191.676.303.184	148.976.803.688

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các Bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2011
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Bán hàng	69.504.066.100

Tại ngày 31/12/2011, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2011	01/01/2011
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Phải thu bán hàng	16.922.331.204	22.163.933.506

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Theo Thông báo số 664/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 29/7/2010 về việc chấp thuận về nguyên tắc niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên. Theo đó, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận về mặt nguyên tắc cho Công ty được niêm yết cổ phiếu với số lượng chứng khoán được niêm yết là 3.500.000 cổ phiếu. Số cổ phiếu có liên quan đến giá trị thương hiệu (500.000 cổ phiếu) tạm thời chưa được niêm yết và giao dịch cho đến khi có hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước.

Cho đến thời điểm này, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



VĂN NGỌC LƯU

Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 01 năm 2012



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc